

Số: 329/2019/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 26 tháng 03 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 370, Điều 416, Điều 417 và Điều 419 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 312/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án: yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Số M đường số B, Phường S, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Nguyễn Minh S, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số M đường số B, Phường S, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Nguyễn Minh S là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 261, quyển số 02/2008, ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo Đơn yêu cầu ghi ngày 28/02/2019, Biên bản hòa giải thành ngày 18/3/2019 và Đơn yêu cầu công nhận hòa giải thành ngoài Tòa án ngày 18/3/2019, bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Nguyễn Minh S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Ông S trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Q, sinh ngày 09/3/2010 và Nguyễn Hoàng Minh K, sinh ngày 18/9/2011; Ông S và bà X tự thỏa thuận về việc cấp

dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà X và Ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3] Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Nguyễn Minh S tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của con nên cần chấp nhận. Về tài sản chung: Bà X và Ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Nguyễn Minh S thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 261, quyền số 02/2008, ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Nguyễn Minh S không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Nguyễn Minh S là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Q, sinh ngày 09/3/2010 và Nguyễn Hoàng Minh K, sinh ngày 18/9/2011. Ông S và bà X tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thanh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà X và Ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông S và bà X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000268 ngày 18/3/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X và Ông S đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND Phường H, Q. G,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Cúc